

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, quận T, Thành phố Đà Nẵng; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Hồ Thị Thảo N, số C đường L, Tổ I, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số H đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: Số I L, Tổ D, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số B, Đại lộ B, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Minh T1 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 02/01/2018 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số I L, Tổ D, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, hiện nay tôi và ông T1 đã ly thân khoảng gần 01 năm nay, tôi đã chuyển đến sinh sống tại địa chỉ số H đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, còn ông T1 vẫn sinh sống tại địa chỉ 993 L, Tổ D, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, gần đây tôi được biết ông T1 đã chuyển chỗ ở khác nhưng tôi không rõ địa chỉ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông T1 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã tự hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, mệt mỏi.

Vì vậy, nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh T1. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu địa phương, gia đình hai bên hòa giải.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Phước T2, sinh ngày 18/6/2017. Hiện nay con đang sống cùng với tôi. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Minh T1 (bản sao); Thông báo về kết quả giải quyết, huỷ bỏ đăng ký cư trú; Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh (bản sao).

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh T1.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 12 tháng 9 năm 2024, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Minh T1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Minh T1, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Nguyễn Minh T1 có địa chỉ cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn Nguyễn Minh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 02/01/2018 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà T và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 vì lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; điều này cũng chứng tỏ ông T1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Việc bà T và ông T1 không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà T, ông T1 cư trú cho biết: Bà T và ông T1 là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông T1 không yêu cầu địa phương giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không rõ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1.

Bà T xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Minh T1.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 con chung là: Nguyễn Phước T2, sinh ngày 18/6/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung.

Xét thấy, con chung là Nguyễn Phước T2, sinh ngày 18/6/2017, còn nhỏ, bà T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 không có văn bản trình bày về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà T có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là Nguyễn Phước T2, sinh ngày 18/6/2017 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà T về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phước T2, sinh ngày 18/6/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có

yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0003257, ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Ea Tih, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (GCN KH số 15, ngày 02/01/2018);
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

